

Soạn giải bài A closer look 2 Unit 11 Lớp 7 trang 51, 52 đầy đủ, dễ hiểu và hay nhất được chúng tôi giới thiệu nhằm giúp các em học sinh chủ động đọc hiểu và chuẩn bị tốt bài học trước khi đến lớp.

Soạn Unit 11 lớp 7 A closer look 2 SGK trang 51, 52 sách mới

1.Listen again to part of the conversation. What words do Phuc, Veronica and Mai use when talking about the future? Complete the rules in the box.

(Nghe lại một phần bài hội thoại. Những từ nào Phúc, Veronica và Mai sử dụng khi nói về tương lai? Hoàn thành quy tắc trong bảng.)

Affirmative	s + will + v
Negative	s + will not/ won't + V
Interrogative	Will + S + V...?

Hướng dẫn dịch:

Mai: Woa! Xe không người lái đã có rồi. Mình thật không thể tin nổi.

Veronica: Đúng vậy, chúng trông thật tuyệt! Cái gì kế tiếp đây?

Phúc: Mình chắc là sẽ có xe hơi bay.

Mai: Điều đó có nghĩa là chúng ta sẽ vẫn có kẹt xe... trên trời phải không?

Veronica: Ha ha, đúng thế, có lẽ sẽ có!

Phúc: Không, mình nghĩ họ sẽ có sss. Nó là một hệ thống an toàn trên không. Nó sẽ ngăn mọi người khỏi bị va chạm nhau. Nó sẽ giúp họ tránh kẹt xe.

Mai: Mình thích có một động cơ phản lực mini (túi bay). Mình sẽ mang nó trên lưng. Nó không chiếm nhiều diện tích và mình sẽ sử dụng túi của mình để bay đi bất kỳ nơi nào dễ dàng.

2. Rearrange the words to make sentences.

(Sắp xếp các từ để tạo thành câu.)

1. People won't use flying cars until the year 2050.
2. Do you think the fuel price will increase next month?

3. The mail won't arrive until next week.
4. I don't think he will take the new position.
5. We will use more solar energy in the future.

3. Minh Đức is asking a fortune-teller about his future. Complete the sentences with the correct form of will.

(Minh Đức đang hỏi một thầy bói về tương lai cậu ấy. Hãy hoàn thành các câu sau với dạng đúng của will.)

1. will...be.	5. will I be.
2. will...be.	6. won't be.
3. will ...be.	7. will travel.
4. will be.	

Hướng dẫn dịch

Minh Đức: Con sẽ thành công chứ ạ?

Thầy Bói: Có, con sẽ là người thành công.

Minh Đức: Con sẽ hạnh phúc chứ ạ?

Thầy Bói: Có, con sẽ hạnh phúc.

Minh Đức: Con sẽ nổi tiếng chứ ạ?

Thầy Bói: Không, con sẽ không nổi tiếng lắm nhưng con sẽ đi du lịch nhiều.

Minh Đức: Wow, tuyệt quá!

4. Complete the sentences with possessive pronouns. Look at the example.

(Hoàn thành câu với các đại từ sở hữu. Nhìn vào ví dụ:)

1. This computer is theirs.
2. The black bike is mine.
3. These shoes are his.
4. The cat is Veronica's.

5. The picture is ours.

5. Game: Now, choose any five things you can see in the classroom. Make sentences about them.

(Trò chơi: Bây giờ hãy chọn 5 đồ vật bạn thấy trong lớp học. Tạo thành câu về chúng.)

This laptop is mine.

That book is hers.

This house is his.

That eraser is yours.

This room is ours.